

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày 15 tháng 6 năm 2022
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thu Thương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tán Nghị

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Ly – là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 15.6.2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-DS ngày 04/5/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hải B, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khối Phố 11, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Ngọc A – luật sư của công ty Luật TNHH MTV S; Địa chỉ: phường H, quận C, tp Đà Nẵng. Có mặt

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần dịch vụ mua bán nợ H; Địa chỉ: quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn M, sinh năm 1960; Địa chỉ thường trú: phường 1, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 28.9.2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Hải B là ông Lưu Đức T, nguyên đơn ông Nguyễn Hải B và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn thống nhất trình bày:

Ngày 11.02.2018 bà Nguyễn Thị O có mượn của ông Nguyễn Hải B số tiền 300.000.000đ. Ngày 07.4.2018 bà O mượn thêm số tiền 250.000.000đ. Cả hai lần mượn bà O đều cam kết trả lại cho ông B trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày mượn. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ thì bà O chây ỳ, hứa hẹn, không có thiện chí hợp tác với ông B để trả khoản tiền nợ trên. Do đó, ngày 30.7.2018 ông Nguyễn Hải B ký hợp đồng dịch vụ đòi nợ với công ty cổ phần dịch vụ đòi nợ H thời hạn 05 tháng kể từ ngày ký và ủy quyền cho công ty cổ phần dịch vụ đòi nợ H thay ông đòi nợ bà O. Tuy nhiên hết thời hạn thì công ty H vẫn không đòi được nợ và hiện tại công ty cổ phần dịch vụ đòi nợ H không còn được phép kinh doanh dịch vụ đòi nợ thuê, giữa ông và công ty cổ phần dịch vụ đòi nợ H cũng đã chấm dứt hợp đồng, chấm dứt ủy quyền. Do đó, ông Nguyễn Hải B khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị O phải trả cho ông số tiền gốc là 550.000.000đồng và rút yêu cầu tính lãi. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông B đã hủy ủy quyền tham gia tố tụng đối với ông Lưu Đức T. Mặc khác trong quá trình tham gia tố tụng bà O cho rằng bà đã trả cho công ty H 20.000.000đ, nhưng thực tế ông B chưa nhận được, tuy vậy ông B thống nhất chỉ yêu cầu bà O trả số tiền gốc còn lại 530.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

* Tại bản tự khai ngày 23/3/2021, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn Nguyễn Thị O trình bày:

Trong quá trình làm ăn với ông Nguyễn Hải B, bà có nợ ông B số tiền 550.000.000đồng. Do bà làm ăn thua lỗ không còn khả năng trả nợ cho ông Nguyễn Hải B nên ông B đã bán số nợ cho công ty đòi nợ thuê H, bà đã viết giấy nợ cho công ty đòi nợ thuê H do đó giữa bà và ông Nguyễn Hải B không còn nợ nần gì nhau nữa, đồng thời bà cũng đã chuyển cho công ty H số tiền 20.000.000đ để trả nợ. Nay ông Nguyễn Hải B khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 530.000.000đồng thì bà không đồng ý.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần dịch vụ mua bán nợ H được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm : 02 Giấy mượn tiền ngày 11/02/2018 và ngày 07/4/2018 (bản photo và bản gốc); Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông Ba (bản sao), Chứng minh nhân dân của bà O (bản photo); Giấy ủy quyền cho ông Lê Đức T; Bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn,

biên bản lấy lời khai nguyên đơn; Biên bản đối chất; Thông báo về việc ủy quyền đòi nợ, Hợp đồng dịch vụ đòi nợ, Hợp đồng ủy quyền đòi nợ; Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng Nguyễn Thị O do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín CN. Đà Nẵng- PGD Liên Chiểu cung cấp; Hồ sơ đăng ký kinh doanh của công ty cổ phần dịch vụ đòi nợ H; Hồ sơ đề nghị bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; Thông báo hủy ủy quyền tham gia tố tụng.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hải B, buộc bà Nguyễn Thị O phải trả cho ông B số tiền gốc là 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*). Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị O phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị O, Công ty Cổ phần dịch vụ mua bán nợ H được Tòa án triệu tập hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn ông Nguyễn Hải B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Ông Nguyễn Hải B và bà Nguyễn Thị O có quan hệ quen biết nhau, ngày 11.02.2018 bà O mượn của ông B số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và ngày 07.4.2018 bà O mượn của ông B số tiền 250.000.000đ, cả 02 lần bà O đều viết giấy mượn tiền và hẹn 01 (một) tháng sau sẽ trả. Tổng số tiền bà O mượn của ông B là 550.000.000đồng, tuy nhiên đến hạn trả nợ, mặc dù ông B nhiều lần yêu cầu bà O trả nợ nhưng bà O không trả. Nên ngày 30.7.2018, ông B có ký hợp đồng thuê công ty cổ phần dịch vụ đòi nợ H và ủy quyền cho công ty này thay ông đòi nợ bà O, quá trình giải quyết vụ án ông B xác nhận cho đến thời điểm khởi kiện vẫn chưa đòi được nợ hơn nửa thời hạn hợp đồng chỉ có 05 tháng kể từ ngày ký

hợp đồng là ngày 30.7.2018 nên tính đến thời điểm khởi kiện thì giữa ông và công ty H cũng đã chấm dứt hợp đồng. Mặc dù bà O khai ông B đã bán khoản nợ của bà cho công ty H và bà đã viết giấy nợ cho công ty H nhưng không xuất trình được tài liệu chứng minh, bà O khai đã trả được 20.000.000đ cho thấy số nợ còn lại 530.000.000đ vẫn chưa trả.

Xét Hợp đồng dịch vụ đòi nợ số 30.07/2018/HT-NHB ngày 30.7.2018 giữa ông Nguyễn Hải B và Công ty cổ phần dịch vụ đòi nợ H thì thấy, ông B thuê công ty đòi nợ đối với bà Nguyễn Thị O với thời hạn hợp đồng là 05 tháng và tại mục 9.2.3 có nêu hợp đồng chấm dứt khi hợp đồng hết hạn nhưng không được gia hạn, mặc khác hiện tại theo quy định của pháp luật đã không cho phép hoạt động đòi nợ thuê, hiện tại bà O xác nhận chưa trả hết khoản nợ đã vay nên việc ông B khởi kiện yêu cầu bà O trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn xác định ông B chưa nhận được số tiền 20.000.000đ từ bà O đã trả qua công ty H nhưng ông B vẫn thống nhất chỉ yêu cầu bà O trả 530.000.000đ và không tính lãi.

Xét thấy, bà O vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc ông B khởi kiện yêu cầu bà O thanh toán số tiền 530.000.000đồng là có cơ sở và đúng theo quy định pháp luật, HĐXX căn cứ các Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự buộc bà O phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông B số tiền gốc là 530.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông B đã rút yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm bà O phải chịu theo qui định của pháp luật là 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) $[20.000.000đ + (130.000.000đ \times 4\%) = 25.200.000đ]$

[4] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hải B đối với bà Nguyễn Thị O về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị O phải trả cho Nguyễn Hải B số tiền gốc 530.000.000đ (Năm trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị O phải chịu theo qui định của pháp luật là 25.200.000đ. Hoàn trả cho Nguyễn Hải B số tiền tạm ứng án phí 15.393.000đ (*mười ba triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0000447 ngày 02.11.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Những người TGTT;
- VKSND h. Hoà Vang;
- Chi cục THADS h. Hoà Vang;
- Lưu hồ sơ;

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương

